CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION
Số/No: 329/2508/CBTT/CTHĐQT/YEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness
------o0o------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025
Ho Chi Minh City, August 29, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM	**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND THE HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *140 Nguyen Van Thu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone*: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/*Ms* Lê Phương Thảo
  Chức vụ/*Position:* Chủ tịch Hội đồng quản trị/*Chairwoman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố *Information disclosure type*	[x] Định kỳ *Periodic*	[ ] Bất thường *Irregular*	[ ] 24 giờ *24 hours*	[ ] Theo yêu cầu *On-demand*

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:

Ngày 29/8/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ năm 2024.

On August 29, 2025, Yeah1 Group Corporation (the "Company") announced the following information:

- *The Company's audited semi-annual separate financial statements for the six months ended June 30, 2025, together with an explanation of the variations from the same period in 2024.*
- *The Company's audited semi-annual consolidated financial statements for the six months ended June 30, 2025, together with an explanation of the variations from the same period in 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 vào ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại đường dẫn: http://yeah1group.com/investor-relations.

This information was disclosed on Yeah1 Group Corporation's Portal on August 29, 2025. Available at: http://yeah1group.com/investor-relations.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi nhận:
Recipient:
+ Như trên;
+ *As above;*
+ Lưu VP;
+ *Archived;*

Đại diện tổ chức/*Organization representative*
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman

YEAH1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 328/2508 /YEG/CV	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Yeah1 ("Công ty") giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét 6 tháng đầu năm 2025 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất lũy kế 6 tháng đầu năm năm 2025 sau soát xét so với cùng kỳ năm 2024:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	**6 tháng đầu năm 2025** (1)	**6 tháng đầu năm 2024** (2)	**Chênh lệch** (3)=(1)-(2)	**Thay đổi** %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	59.287.410.966	21.454.451.261	37.832.959.705	176,34%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2025 tăng 37.832.959.705 đồng, tương ứng tăng 176,34% chủ yếu là do Tập Đoàn đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tăng ở hầu hết các lĩnh vực như: mảng tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông tăng trưởng 137%, mảng cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông tăng 188% và mảng nội dung số tăng 75% so với cùng kỳ năm 2024, dẫn đến sự gia tăng về lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

YEAH1

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2025 (1)	6 tháng đầu năm 2024 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(120.386.234.419)	1.512.510.539	(121.898.744.958)

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025 giảm 121.898.744.958 đồng so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do việc ghi nhận chi phí tài chính liên quan đến thoái vốn công ty con trong quý I năm 2025.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét 6 tháng năm 2025 đã được đăng tải trên website của Công ty: *www.yeah1group.com*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu: VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ VÂN HẠNH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 53

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày như được trình bày trong *Thuyết minh số 17.1* của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 12925844/68610550/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.096.555.907.180**	**674.524.693.229**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***74.359.824.088***	***38.416.885.363***
111	1. Tiền		73.359.824.088	38.337.088.258
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	79.797.105
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***6***	***230.000.000***	***230.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***988.726.583.289***	***634.528.068.391***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	469.994.333.329	105.247.391.505
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	223.464.296.963	222.600.021.803
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	213.295.460.018	189.028.460.018
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	84.041.317.125	141.057.384.838
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(2.068.824.146)	(23.405.189.773)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***12***	***33.014.219.879***	***501.439.034***
141	1. Hàng tồn kho		33.014.219.879	501.439.034
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***225.279.924***	***848.300.441***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		225.279.924	848.300.441
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.505.890.533.178**	**1.767.988.537.046**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***375.760.634.800***	***336.730.634.800***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	24.000.000.000	24.000.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	48.645.000.000	9.615.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	303.115.634.800	303.115.634.800
220	***II. Tài sản cố định***		***156.038.800.022***	***138.753.744.671***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	263.677.447	276.194.779
222	Nguyên giá		964.548.862	903.492.862
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(700.871.415)	(627.298.083)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	155.775.122.575	138.477.549.892
228	Nguyên giá		208.448.221.548	171.206.041.734
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(52.673.098.973)	(32.728.491.842)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***56.787.222.222***	***10.523.422.222***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	56.787.222.222	10.523.422.222
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***17***	***897.846.302.378***	***1.259.233.352.576***
251	1. Đầu tư vào công ty con		919.719.400.000	1.294.283.212.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.000.000.000	2.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.715.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(41.588.722.622)	(54.765.484.657)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***19.457.573.756***	***22.747.382.777***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	19.297.083.086	21.047.511.423
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		160.490.670	1.699.871.354
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.602.446.440.358**	**2.442.513.230.275**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**468.207.484.816**	**735.828.750.314**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***429.028.977.531***	***705.564.960.707***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	159.896.400.664	136.090.440.676
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	43.863.164.000	7.431.868.273
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	5.655.752.513	7.449.487.609
314	4. Phải trả người lao động		3.895.325.261	3.894.502.261
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	11.970.374.279	16.159.534.249
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	95.807.161.159	181.810.405.402
320	7. Vay ngắn hạn	23	107.940.799.655	352.728.722.237
330	***II. Nợ dài hạn***		***39.178.507.285***	***30.263.789.607***
338	1. Vay dài hạn	23	39.178.507.285	30.263.789.607
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.134.238.955.542**	**1.706.684.479.961**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24***	***2.134.238.955.542***	***1.706.684.479.961***
411	1. Vốn cổ phần		1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.918.020.350.000*	*1.370.014.540.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		75.418.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		216.143.187.288	336.529.421.707
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*336.529.421.707*	*313.310.291.758*
421b	*- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*(120.386.234.419)*	*23.219.129.949*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.602.446.440.358**	**2.442.513.230.275**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25.1**	**352.536.119.680**	**105.433.919.116**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25.1**	**352.536.119.680**	**105.433.919.116**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**26**	**(317.315.912.538)**	**(79.046.244.542)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**35.220.207.142**	**26.387.674.574**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**25.2**	**6.855.704.250**	**13.872.592.832**
22	**7. Chi phí tài chính**	**27**	**(136.074.494.954)**	**(7.521.209.279)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(11.060.198.367)*	*(7.521.209.279)*
25	**8. Chi phí bán hàng**		**(443.638.889)**	**-**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**28**	**(24.258.029.275)**	**(30.302.718.175)**
30	**10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(118.700.251.726)**	**2.436.339.952**
31	**11. Thu nhập khác**		**3.946.962**	**280.407**
32	**12. Chi phí khác**		**(150.548.971)**	**(924.109.820)**
40	**13. Lỗ khác**		**(146.602.009)**	**(923.829.413)**
50	**14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(118.846.853.735)**	**1.512.510.539**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**30**	**-**	**-**
52	**16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**30**	**(1.539.380.684)**	**-**
60	**17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN**		**(120.386.234.419)**	**1.512.510.539**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(118.846.853.735)**	**1.512.510.539**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	14, 15	20.018.180.463	10.557.236.864
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(13.393.144.029)	987.356.772
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		131.322.975.374	(13.872.470.012)
06	Chi phí lãi vay	27	11.060.198.367	7.521.209.279
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**30.161.356.440**	**6.705.843.442**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		19.860.430.119	(20.662.336.829)
10	Tăng hàng tồn kho		(32.512.780.845)	(5.469.980.533)
11	Tăng các khoản phải trả		66.718.863.916	6.803.651.037
12	Giảm chi phí trả trước		2.373.448.854	1.240.108.190
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.568.118.589)	(4.032.669.498)
15	Thuế TNDN đã trả		(4.377.636.288)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**64.655.563.607**	**(15.415.384.191)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(81.220.403.814)	(39.654.622.943)
23	Tiền chi cho vay		(116.096.000.000)	(71.208.266.640)
24	Tiền thu hồi cho vay		52.499.000.000	42.140.134.521
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(213.013.600.000)	(42.782.400.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.198.980.000	16.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi và cổ tức		14.851.893.836	14.625.153.376
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(340.780.129.978)**	**(80.880.001.686)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Phát hành cổ phiếu		547.940.710.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	23	108.257.456.873	138.899.656.007
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(344.130.661.777)	(48.888.347.852)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**312.067.505.096**	**90.011.308.155**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**35.942.938.725**	**(6.284.077.722)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**38.416.885.363**	**6.392.544.437**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**5**	**74.359.824.088**	**108.466.715**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 60 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 58).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 17.1*, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Tăng vốn trong công ty con hiện hữu

Công ty TNHH 1Production ("1Production")

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty đã góp tăng vốn điều lệ trong 1Production căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị Số 910/2408/BBH/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024 và theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024 và đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 4 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2025. Theo đó, vốn điều lệ của 1Production tăng từ 139.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND.

4.2 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí Mango+ ("Mango+")

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 164/2504/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 25 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị là 500.000.000 VND tương ứng 100% tỷ lệ sở hữu trong Mango+ từ Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số ("DCC"), một công ty con gián tiếp của Công ty, vào ngày 25 tháng 4 năm 2025. Theo đó, Mango+ trở thành công ty con sở hữu 100% trực tiếp của Công ty kể từ ngày này.

4.3 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần trong các công ty con hiện hữu

Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")

Theo phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 197/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 10 tháng 5 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 8% tỷ lệ sở hữu trong Y1U từ bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 15 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Y1U tăng từ 92% lên 100% kể từ ngày này.

1Label

Theo phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 1092/2411/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 29 tháng 11 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 97.600 cổ phần tương ứng với 48,8% tỷ lệ sở hữu trong 1Label từ các bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.013.600.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label tăng từ 51% lên 99,80% kể từ ngày này.

4.4 Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu

Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ("Giga1")

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 35.999.600 cổ phần, tương ứng với 99.999% cổ phần của Giga1 cho đối tác với giá chuyển nhượng là 450.000.000.000 VND căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Số 83/2503/BBH/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 3 năm 2025 và theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 84/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Giga1 giảm từ 99.999% xuống 0% và Giga1 không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty TNHH 1Talents ("1Talents")

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 205/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 22 tháng 5 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 2.000.000.000 VND vốn góp, tương đương 100% vốn điều lệ của 1Talents cho Công ty Cổ phần 1Label ("1Label"), một công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong 1Talents giữ nguyên là 100% và 1Talents trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tiền gửi ngân hàng	73.359.824.088	38.337.088.258
Các khoản tương đương tiền *(*)*	1.000.000.000	79.797.105
TỔNG CỘNG	**74.359.824.088**	**38.416.885.363**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 3,25%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Các bên khác	444.641.220.863	84.993.047.305
Công ty Cổ phần Tera Ventures (*)	*360.001.000.000*	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu	*17.135.800.000*	*23.835.800.000*
Công ty Cổ phần King Production	*14.546.800.000*	*9.549.100.000*
Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân	*16.277.113.478*	
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") (***)	*6.770.205.688*	*6.770.205.688*
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	-	*10.982.000.000*
Khác	*29.910.301.697*	*33.855.941.617*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	25.353.112.466	20.254.344.200
TỔNG CỘNG	**469.994.333.329**	**105.247.391.505**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(1.649.158.633)	(1.798.983.363)
GIÁ TRỊ THUẦN	**468.345.174.696**	**103.448.408.142**
Phải thu dài hạn của khách hàng		
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần STV *(**) (***)*	24.000.000.000	24.000.000.000

(*) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Giga1 *(Thuyết minh số 4.4)*, có ngày đến hạn thanh toán cuối cùng là ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(**) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của STV, đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(***) Khoản phải thu này và khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 9 và 10* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo các Thỏa thuận Bảo lãnh. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản phải thu này đã được các bên bảo lãnh thanh toán.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Trả trước cho các bên khác	215.297.280.063	217.663.828.234
Công ty Cổ phần Tera Group	*160.114.476.520*	*209.318.476.520*
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện Hand	*41.685.000.000*	-
Công ty Cổ phần King Production	*11.400.936.879*	*7.644.456.896*
Khác	*2.096.866.664*	*700.894.818*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	8.167.016.900	4.936.193.569
TỔNG CỘNG	**223.464.296.963**	**222.600.021.803**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	-	(329.450)
GIÁ TRỊ THUẦN	**223.464.296.963**	**222.599.692.353**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**213.295.460.018**	**189.028.460.018**
Cho các bên khác vay	168.868.460.018	166.873.460.018
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 31)*	44.427.000.000	22.155.000.000
Dài hạn	**48.645.000.000**	**9.615.000.000**
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 31)*	39.555.000.000	525.000.000
Cho bên khác vay	9.090.000.000	9.090.000.000
TỔNG CỘNG	**261.940.460.018**	**198.643.460.018**
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	-	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**261.940.460.018**	**198.343.460.018**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group*(ii)*	114.106.821.919	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
STV *(ii)*	41.968.500.000	*(i)*	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	3.252.000.000	*(i)*	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending *(ii)*	5.683.138.099	*(i)*	8,0	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	633.000.000	Ngày 11 tháng 11 năm 2025	8,0	
Công ty Cổ phần Zeroz Creative	1.910.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.115.000.000	Ngày 31 tháng 1 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	200.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2026 đến ngày 28 tháng 2 năm 2026	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**168.868.460.018**			

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

(ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản phải thu về cho vay này đã được các bên bảo lãnh thanh toán.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 31)*				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")	23.832.000.000	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2026 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	10,5	Tín chấp
Y1U	15.544.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink")	2.021.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số ("DCC")	1.370.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+ ("Mango+")	1.180.000.000	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2026 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	10,5	Tín chấp
1Production	480.000.000	Ngày 31 tháng 5 năm 2026	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**44.427.000.000**			
Cho các bên liên quan vay dài hạn *(Thuyết minh số 31)*				
1Production	33.486.000.000	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2027 đến ngày 31 tháng 5 năm 2027	8,0 – 10,5	Tín chấp
Netlink	6.069.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2027 đến ngày 30 tháng 6 năm 2027	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**39.555.000.000**			
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Truyền thông Power *(i)*	9.090.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2026	10,5	Tín chấp

(i) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, khoản phải thu về cho vay này đã được thanh toán.

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**84.041.317.125**	**141.057.384.838**
Phải thu từ thu hộ *(i)*		
1Production	*32.555.313.594*	*38.548.886.622*
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N")	*5.126.945.309*	*20.991.338.967*
Y1U	*445.577.600*	-
STVPro	-	*11.993.508.096*
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh		
STV (ii)	*26.163.157.895*	*26.163.157.895*
VTV Cab	*470.477.287*	-
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn ("Tân An Đông")	-	*19.600.000.000*
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	12.110.955.066	6.118.412.043
Tạm ứng nhân viên	1.200.097.190	2.100.207.967
Đặt cọc	482.922.450	1.228.922.450
Phải thu cổ tức	-	14.000.000.000
Khác	5.485.870.734	312.950.798
Dài hạn	**303.115.634.800**	**303.115.634.800**
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất *(iii)*	196.000.000.000	196.000.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh *(iv)*	99.875.000.000	99.875.000.000
Các khoản đặt cọc khác	7.240.634.800	7.240.634.800
TỔNG CỘNG	**387.156.951.925**	**444.173.019.638**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 11)*	(419.665.513)	(21.305.876.960)
GIÁ TRỊ THUẦN	**386.737.286.412**	**422.867.142.678**
Trong đó:		
Các bên khác	*346.606.210.723*	*369.921.681.636*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*40.550.741.202*	*74.251.338.002*

(i) Đây là các khoản phải thu từ thu chi hộ Công ty theo các hợp đồng ủy quyền để thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại.

(ii) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này, khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 7 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, khoản phải thu này đã được các bên bảo lãnh thanh toán.

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(iii) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng theo Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639 tại địa chỉ số 140, Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định,Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024.

(iv) Đây là khoản đặt cọc mua Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Theo phụ lục hợp đồng số 01 Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 6 tháng 12 năm 2024, Công ty và Unicorn Venture đã thống nhất điều chỉnh giảm số tiền đầu tư dự án xuống còn 99.875.000.000 VND.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Dự phòng phải thu của khách hàng ngắn hạn khó đòi	1,649,158,633	1,798,983,363
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	419,665,513	21,305,876,960
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khác khó đòi	-	300,000,000
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	-	329,450
TỔNG CỘNG	**2,068,824,146**	**23,405,189,773**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	23.405.189.773	22.117.833.001
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	987.356.772
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ	(21.119.983.633)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(216.381.994)	-
Số cuối kỳ	2.068.824.146	23.105.189.773

Chi tiết các khoản phải thu khó đòi và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	3.522.790.853	1.988.430.308	(1.534.360.545)	3.522.790.853	1.988.430.308	(1.534.360.545)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.130	119.783.496	(404.123.634)	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)
Tân An Đông	-	-	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Up	-	-	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	-	-	209.824.729	-	(209.824.729)
Khác	218.735.792	88.395.825	(130.339.967)	3.629.832.379	3.272.951.514	(356.880.865)
TỔNG CỘNG	**4.265.433.775**	**2.196.609.629**	**(2.068.824.146)**	**28.786.355.092**	**5.381.165.319**	**(23.405.189.773)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Chi phí các chương trình đang sản xuất dở dang	32.548.278.887	-
Hàng hóa	465.940.992	501.439.034
TỔNG CỘNG	**33.014.219.879**	**501.439.034**

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Chi phí cải tạo văn phòng	16.784.908.888	17.712.654.760
Công cụ, dụng cụ	982.477.079	1.625.361.958
Khác	1.529.697.119	1.709.494.705
TỔNG CỘNG	**19.297.083.086**	**21.047.511.423**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	903.492.862
Mua mới	61.056.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	964.548.862
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*60.440.000*
Giá trị khấu hao lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(627.298.083)
Khấu hao trong kỳ	(73.573.332)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(700.871.415)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	276.194.779
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	263.677.447

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	168.521.659.580	2.524.382.154	160.000.000	171.206.041.734
Mua trong kỳ	31.718.757.592	-	-	31.718.757.592
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.523.422.222	-	-	5.523.422.222
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	205.763.839.394	2.524.382.154	160.000.000	208.448.221.548
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	*391.156.033*	-	*35.000.000*	*426.156.033*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(31.855.693.475)	(827.465.028)	(45.333.339)	(32.728.491.842)
Hao mòn trong kỳ	(19.900.318.695)	(28.288.434)	(16.000.002)	(19.944.607.131)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(51.756.012.170)	(855.753.462)	(61.333.341)	(52.673.098.973)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	136.665.966.105	1.696.917.126	114.666.661	138.477.549.892
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	154.007.827.224	1.668.628.692	98.666.659	155.775.122.575

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phần mềm Onstudio	42.605.000.000	-
Phần mềm YEG DX	13.944.000.000	-
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	238.222.222	5.523.422.222
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	**56.787.222.222**	**10.523.422.222**

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 17.1)*	919.719.400.000	1.294.283.212.233
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 17.2)*	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác *(Thuyết minh số 17.3)*	17.715.625.000	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	**939.435.025.000**	**1.313.998.837.233**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(41.588.722.622)	(54.765.484.657)
GIÁ TRỊ THUẦN	**897.846.302.378**	**1.259.233.352.576**

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 10 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12 công ty con trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	1Production	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	350.000.000.000	-	100,00	139.000.000.000	-	100,00
2	Edigital	Quảng cáo, sản xuất chương trình	255.844.800.000	-	69,55	255.844.800.000	-	69,55
3	Netlink	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	203.319.000.000	-	69,00	203.319.000.000	-	69,00
4	Y1N	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	80.000.000.000	(17.343.009.757)	100,00	79.910.000.000	(28.954.919.935)	99,89
5	Y1U	Quảng cáo, sản xuất chương trình	25.000.000.000	(13.489.430.882)	100,00	23.000.000.000	(15.286.052.381)	92,00
6	1Label	Quảng cáo, sản xuất chương trình	3.033.600.000	-	99,80	1.020.000.000	-	51,00
7	Công ty TNHH 1Brandlink ("1Brandlink")	Quảng cáo	2.000.000.000	-	100,00	2.000.000.000	-	100,00

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 10 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
8	Mango+	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	500.000.000	(248.507.938)	100,00	-	-	69,55
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số *(*)*	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00
11	Giga1	Công nghệ, bán buôn	-	-	-	588.167.412.233	-	99,99
12	1Talents	Quảng cáo	-	-	-	2.000.000.000	(179.891.566)	100,00
	TỔNG CỘNG		**919.719.400.000**	**(31.080.948.577)**		**1.294.283.212.233**	**(44.420.863.882)**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 32.2)*.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 10 công ty con gián tiếp tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12 công ty con gián tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
			Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
			%	*%*	*%*	*%*
1	Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Y1P")	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	64,86	94,00
2	Netlink Communication Technology Ltd ("Netlink BVI")	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	35,18	50,99	35,18	50,99
3	DCC	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	69,55	100,00
4	Công ty TNHH Vietnam Music Award ("VMA")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	35,47	51,00
5	Công ty TNHH TingTing Network ("TingTing")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	69,55	100,00
6	BigCat	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	55,64	80,00
7	Tstudio	Quảng cáo, hoạt động hậu kì	41,69	59,95	41,69	59,95
8	Netlink Online Pte. Ltd *("Netlink Online")*	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	100,00	35,18	100,00
9	Web Publishing Corp.	Quảng cáo	17,63	50,10	17,63	51,00
10	1Talents	Quảng cáo	100,00	100,00	100,00	100,00
11	Gigagoods Joint Stock Company	Bán lẻ	-	-	50,99	51,00
12	Gigawin Distribution Joint Stock Company	Dịch vụ quảng cáo	-	-	58,99	59,00

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty liên kết trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
			Giá trị đầu tư	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*
			(VND)	*%*	*(VND)*	*%*
1	Meta Blossom	Quảng cáo	2.000.000.000	40,00	2.000.000.000	40,00

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.3 Đầu tư vào các công ty khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	Công ty Cổ phần 1Game ("1Game")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(892.149.045)	18.00	8.100.000.000	(728.995.775)	18.00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4.40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4.40
3	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15.00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15.00
4	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10.00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10.00
	TỔNG CỘNG		**17.715.625.000**	**(10.507.774.045)**		**17.715.625.000**	**(10.344.620.775)**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	143.585.971.838	114.255.270.516
Các bên khác	16.310.428.826	21.835.170.160
STVPro	*6.580.700.467*	*18.023.400.002*
Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân	*4.922.394.500*	-
Khác	*4.807.333.859*	*3.811.770.158*
TỔNG CỘNG	**159.896.400.664**	**136.090.440.676**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Trả trước từ các bên khác	31.385.764.000	5.021.658.180
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	*24.852.744.000*	*5.021.658.180*
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	*3.600.000.000*	-
Công ty Cổ phần Tera Group	*2.737.020.000*	-
Khác	*196.000.000*	-
Trả trước từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	12.477.400.000	2.410.210.093
TỔNG CỘNG	**43.863.164.000**	**7.431.868.273**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Thuế thu nhập cá nhân	1.064.919.817	9.656.896.288	(6.922.890.369)	3.798.925.736
Thuế giá trị gia tăng	1.428.946.752	32.928.937.047	(33.666.684.956)	691.198.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.377.636.288	-	(4.377.636.288)	-
Khác	577.984.752	1.106.231.171	(518.587.989)	1.165.627.934
TỔNG CỘNG	**7.449.487.609**	**43.692.064.506**	**(45.485.799.602)**	**5.655.752.513**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Chi phí sản xuất chương trình	8.758.559.008	6.587.535.544
Chi phí dịch vụ tư vấn và bản quyền	1.062.660.000	6.750.000.000
Khác	2.149.155.271	2.821.998.705
TỔNG CỘNG	**11.970.374.279**	**16.159.534.249**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*6.054.764.487*	*3.285.205*
Các bên khác	*5.915.609.792*	*16.156.249.044*

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình *(i)*	53.623.082.301	43.796.097.986
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(ii)*	31.500.000.000	31.500.000.000
Lãi vay	4.589.170.311	11.156.245.804
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	717.162.378	854.042.816
Phải trả do chuyển nhượng vốn góp	-	89.800.020.000
Khác	5.377.746.169	4.703.998.796
TỔNG CỘNG	**95.807.161.159**	**181.810.405.402**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*56.566.801.881*	*44.738.232.646*
Các bên khác	*39.240.359.278*	*137.072.172.756*

(i) Đây là các khoản phải trả từ thu chi hộ Công ty theo các hợp đồng ủy quyền để thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại.

(ii) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 ngày 16 tháng 6 năm 2023, quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án.

23. VAY

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Vay trong kỳ*	*Trả nợ vay trong kỳ*	*Phân loại lại*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Vay ngắn hạn	**352.728.722.237**	**106.757.456.873**	**(344.130.661.777)**	**(7.414.717.678)**	**107.940.799.655**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	78.636.096.239	70.977.456.873	(78.636.096.509)	-	70.977.456.603
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)*	22.710.000.000	31.080.000.000	(18.388.000.000)	(12.785.000.000)	22.617.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.1)*	13.673.475.998	-	(4.137.415.268)	4.635.282.322	14.171.343.052
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 23.3)*	40.000.000	3.700.000.000	(4.300.000.000)	735.000.000	175.000.000
Vay cá nhân	237.669.150.000	1.000.000.000	(238.669.150.000)	-	-
Vay dài hạn	**30.263.789.607**	**1.500.000.000**	**-**	**7.414.717.678**	**39.178.507.285**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	30.263.789.607	-	-	(4.635.282.322)	25.628.507.285
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)*	-	1.500.000.000	-	12.050.000.000	13.550.000.000
TỔNG CỘNG	**382.992.511.844**	**108.257.456.873**	**(344.130.661.777)**	**-**	**147.119.306.940**

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngân hàng*

Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	70.977.456.603	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	7,2 – 8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba

Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Thế chấp*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	32.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	Thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	7.299.850.337	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027	Thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
TỔNG CỘNG	**39.799.850.337**			
Trong đó				
Vay dài hạn	*25.628.507.285*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*14.171.343.052*			

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan			
Y1N	12.577.000.000	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 8 năm 2025	10,5
BigCat	6.700.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2026	10,5
VMA	1.040.000.000	Ngày 17 tháng 5 năm 2026	10,5
1Brandlink	1.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10,5
Meta Blossom	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 1 năm 2026	10,5
TingTing	300.000.000	Ngày 27 tháng 5 năm 2026	10,5
TỔNG CỘNG	**22.617.000.000**		
Vay dài hạn từ các bên liên quan			
Y1N	12.050.000.000	Đến ngày 31 tháng 8 năm 2026	10,5
1Label	1.500.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2027	10,5
TỔNG CỘNG	**13.550.000.000**		

23.3 *Vay các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn từ các bên khác			
Giga1	135.000.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Ban Media	40.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	**175.000.000**		

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.512.510.539	1.512.510.539
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	371.304.702.298	1.684.977.860.552
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(*)*	548.005.810.000	(65.100.000)	-	547.940.710.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(120.386.234.419)	(120.386.234.419)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.918.020.350.000	75.418.254	216.143.187.288	2.134.238.955.542

(*) Vào ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo công văn số 199/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 56/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 11 tháng 3 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
Tăng trong kỳ	548.005.810.000	-
Tại ngày 30 tháng 6	1.918.020.350.000	1.313.532.640.000

24.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Cổ phiếu đăng ký	**191.802.035**	**137.001.454**
Cổ phiếu đã phát hành	***191.802.035***	**137.001.454**
Cổ phiếu phổ thông	*191.802.035*	*137.001.454*
Cổ phiếu đang lưu hành	***191.802.035***	**137.001.454**
Cổ phiếu phổ thông	*191.802.035*	*137.001.454*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Doanh thu tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông	302.799.725.162	22.233.590.909
Doanh thu về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn	29.026.270.370	28.565.017.510
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	14.846.697.743	54.635.310.697
Doanh thu bán hàng	5.863.426.405	-
TỔNG CỘNG	**352.536.119.680**	**105.433.919.116**
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	*311.576.940.023*	*48.652.087.673*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*40.959.179.657*	*56.781.831.443*

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.844.436.859	13.771.597.950
Khác	11.267.391	100.994.882
TỔNG CỘNG	**6.855.704.250**	**13.872.592.832**
Trong đó:		
Các bên khác	*4.333.277.184*	*9.400.884.151*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*2.522.427.066*	*4.471.708.681*

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Giá vốn về quảng cáo và tư vấn truyền thông	270.035.012.674	49.962.276.431
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn	21.340.879.259	16.286.447.681
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	22.009.803.598	12.797.520.430
Giá vốn bán hàng hóa	3.930.217.007	-
TỔNG CỘNG	**317.315.912.538**	**79.046.244.542**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Lỗ từ thanh lý công ty con *(Thuyết minh số 4.2)*	138.167.412.233	-
Chi phí lãi vay	11.060.198.367	7.521.209.279
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(13.176.762.035)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.646.389	-
TỔNG CỘNG	**136.074.494.954**	**7.521.209.279**
Trong đó:		
Các bên khác	*134.186.957.257*	*4.439.959.806*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*1.887.537.697*	*3.081.249.473*

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.624.679.328	8.016.421.130
Chi phí nhân viên	4.325.693.823	15.329.180.068
Chi phí khấu hao và hao mòn	136.115.640	96.073.059
Khác	1.171.540.484	6.861.043.918
TỔNG CỘNG	**24.258.029.275**	**30.302.718.175**

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.353.356.550	74.924.857.448
Chi phí nhân viên	17.486.653.082	22.475.805.020
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 14 và 15)*	20.018.180.463	10.557.236.864
Khác	1.672.171.452	6.861.043.918
TỔNG CỘNG	**374.530.361.547**	**114.818.943.250**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 *Chi phí thuế TNDN*

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	**(118.846.853.735)**	**1.512.510.539**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	(23.769.370.747)	302.502.108
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	(1.370.240.419)	1.244.512.748
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	843.152.302	
Lỗ thuế được sang các năm sau	24.296.458.864	-
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	-	(1.547.014.856)
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

30.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

30.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 121.482.294.321 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025*
2025 *(*)*	2030	121.482.294.321	-	121.482.294.321

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.4 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Các khoản dự phòng	160.490.670	1.699.871.354	(1.539.380.684)	-

30.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*		*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2025*
2025	2030	(*)	4.215.761.508	4.215.761.508	-	4.215.761.508

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 843.152.302 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
1Production	Công ty con
Giga1	Công ty con *(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)*
Y1N	Công ty con
1Label	Công ty con
1Brandlink	Công ty con
Y1U	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Netlink	Công ty con
Edigital	Công ty con
Mango+	Công ty con
1Talents	Công ty con gián tiếp
Y1P	Công ty con gián tiếp
Netlink BVI	Công ty con gián tiếp
BigCat	Công ty con gián tiếp
Tstudio	Công ty con gián tiếp
VMA	Công ty con gián tiếp
DCC	Công ty con gián tiếp
TingTing	Công ty con gián tiếp
Web Publishing Corp.	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1 ("Media1")	Công ty liên kết của công ty con *(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)*
1Game	Đầu tư khác
Meta Blossom	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh ("Bồ Công Anh")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty *(đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Finbase ("Finbase")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 5 năm 2024)*
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)*
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc tài chính *(từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)* Quyền Giám đốc tài chính *(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025 đến ngày 26 tháng 8 năm 2025)*
Bà Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng *(từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)* Quyền Kế toán trưởng *(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025 đến ngày 26 tháng 8 năm 2025)*
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên BKS *(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt *(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)*

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
1Production	Mua dịch vụ	223.405.164.442	-
	Góp vốn	211.000.000.000	-
	Cho vay	66.572.000.000	1.520.000.000
	Nhờ thu hộ	15.721.287.427	25.250.470.387
	Chi hộ	15.205.912.012	5.629.586.583
	Cung cấp dịch vụ	2.765.700.000	513.000.000
	Lãi cho vay	800.030.097	26.421.165
	Vay	-	470.000.000
	Lãi vay	-	2.163.288
Edigital	Cho vay	29.012.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	5.618.791.037	34.519.709.573
	Vay	4.780.000.000	15.080.000.000
	Cung cấp dịch vụ	3.313.800.000	1.725.000.000
	Lãi cho vay	408.530.102	-
	Lãi vay	19.250.959	643.369.930
	Mua dịch vụ	-	3.500.000
Y1N	Nhờ thu hộ	16.309.611.546	8.100.000.000
	Vay	15.600.000.000	4.370.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.957.796.296	924.000.000
	Mua bản quyền nội dung số	1.627.843.205	-
	Lãi vay	1.470.082.560	61.860.822
BigCat	Mua dịch vụ	8.424.796.847	987.600.000
	Cung cấp dịch vụ	4.808.070.370	4.026.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.015.200.213	2.112.502.248
	Vay	6.700.000.000	-
	Lãi vay	123.353.425	-
Netlink	Cho vay	6.069.000.000	-
	Lãi cho vay	412.265.959	-
	Lãi vay	-	62.455.166
DCC	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.161.500.024	-
	Cho vay	2.920.000.000	-
	Mua dịch vụ	1.370.119.010	-
	Lãi cho vay	95.098.353	-
	Vay	-	1.300.000.000
	Lãi vay	-	11.065.901

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
1Label	Cung cấp dịch vụ	7.595.430.923	-
	Góp vốn	2.013.600.000	1.020.000.000
	Vay	1.500.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	1.325.547.272	246.000.000
	Mua dịch vụ	1.171.581.910	-
	Lãi vay	53.075.341	-
	Nhận đặt cọc	-	300.000.000
Y1U	Cho vay	5.423.000.000	3.565.000.000
	Lãi cho vay	783.250.088	350.562.943
	Nhờ thu hộ	224.008.156	-
	Cung cấp dịch vụ	-	1.765.000.000
	Mua dịch vụ	-	28.909.091
1Brandlink	Chi hộ	3.888.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.600.514.818	-
	Vay	3.000.000.000	-
	Lãi vay	29.917.808	-
Meta Blossom	Cung cấp dịch vụ	3.311.728.704	-
	Vay	1.000.000.000	-
	Lãi vay	51.493.151	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	35.967.123	9.468.493
	Vay	-	1.600.000.000
Mango+	Cho vay	1.180.000.000	-
	Góp vốn	500.000.000	-
	Lãi cho vay	23.252.467	-
VMA	Lãi vay	76.301.917	-
	Vay	-	2.100.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	793.392.064	86,000,000
1Talents	Mua dịch vụ	5.169.686.786	-
	Cung cấp dịch vụ	220.500.000	144.000.000
	Chi hộ	80.000.000	2.200.000.000
	Góp vốn	-	1.880.000.000
	Vay	-	1.700.000.000
	Lãi vay	-	7.853.423
Y1P	Cung cấp dịch vụ	100.800.000	225.000.000
TingTing	Lãi vay	15.620.550	25.804.111
	Vay	-	400.000.000

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	401.404.994	236.111.639
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	246.946.536	208.046.838
1Game	Cung cấp dịch vụ	163.800.000	102.000.000
	Cho vay	23.000.000	1.525.000.000
	Lãi cho vay	-	114.704.099
Ông Kim Min Soo	Tạm ứng	29.646.737	-
Giga1	Lãi vay	12.474.863	-
	Lãi cho vay	-	112.001.918
	Cho vay	-	40.000.000
Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	-	1.905.000.000
	Lãi cho vay	-	137.504.773
STV	Cho vay	-	19.152.000.000
	Chuyển nhượng vốn góp	-	10.000.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	2.310.326.514
	Lãi cho vay	-	1.002.878.961
Tera Group	Cho vay	-	29.160.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	5.685.857.143
	Lãi cho vay	-	1.714.508.353
	Cung cấp dịch vụ	-	225.000.000
Ana	Lãi vay	-	2.214.195.736
	Thuê kho	-	9.090.909
YAG	Lãi cho vay	-	749.494.386
Care	Lãi cho vay	-	48.691.236
Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	-	14.500.000.000
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	-	5.327.908.126
Finbase	Cho vay	-	570.000.000
	Lãi cho vay	-	214.940.847
YES	Cung cấp dịch vụ	-	1.905.000.000
	Lãi cho vay	-	137.504.773

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Edigital	Cung cấp dịch vụ và bản quyền	6.868.789.716	7.577.156.627
1Production	Cung cấp dịch vụ	4.890.270.000	2.224.200.000
1Brandlink	Cung cấp dịch vụ	3.856.770.000	-
1Label	Cung cấp dịch vụ	2.840.858.378	306.508.486
Y1N	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.056.936.575	1.029.286.575
BigCat	Cung cấp dịch vụ	1.524.349.547	820.798.565
Y1U	Cung cấp dịch vụ	1.195.372.800	-
VMA	Cung cấp bản quyền nội dung số	870.000.000	3.675.000.000
1Talent	Cung cấp dịch vụ	713.350.000	470.800.000
Y1P	Cung cấp dịch vụ	356.180.000	245.300.000
1Game	Cung cấp dịch vụ	180.180.000	-
DCC	Cung cấp bản quyền nội dung số	55.450	1.354.055.450
Media1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	523.907.130
Meta Blossom	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	379.600.000
YES	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.647.731.367
TỔNG CỘNG		**25.353.112.466**	**20.254.344.200**
Trả trước cho nhà cung cấp			
BigCat	Mua dịch vụ	8.167.016.900	1.311.210.702
Y1N	Mua dịch vụ	-	3.624.982.867
TỔNG CỘNG		**8.167.016.900**	**4.936.193.569**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Edigital	Cho vay	23.832.000.000	-
Y1U	Cho vay	15.544.000.000	14.950.000.000
Netlink	Cho vay	2.021.000.000	5.205.000.000
DCC	Cho vay	1.370.000.000	2.000.000.000
Mango+	Cho vay	1.180.000.000	-
1Production	Cho vay	480.000.000	-
TỔNG CỘNG		**44.427.000.000**	**22.155.000.000**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn khác			
1Production	Nhờ thu hộ	32.555.313.594	38.548.886.622
	Lãi cho vay	765.229.069	98.885.959
Y1N	Nhờ thu hộ	5.126.945.309	20.991.338.967
Y1U	Lãi cho vay	538.490.816	104.088.899
	Nhờ thu hộ	445.577.600	-
Netlink	Lãi cho vay	449.948.013	37.682.054
Edigital	Lãi cho vay	408.745.855	215.753
DCC	Lãi cho vay	106.605.202	11.506.849
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	77.254.677	96.152.335
Finbase	Lãi cho vay	53.378.600	-
Mango+	Lãi cho vay	23.252.467	-
Giga1	Phải thu cổ tức	-	14.000.000.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	-	343.969.957
YES	Lãi cho vay	-	12.088.331
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	-	6.522.276
TỔNG CỘNG		**40.550.741.202**	**74.251.338.002**
Phải trả người bán ngắn hạn			
1Production	Sản xuất chương trình	124.685.312.397	94.912.380.000
Edigital	Mua bản quyền	10.721.405.279	14.441.405.279
Y1U	Mua dịch vụ	3.795.390.908	-
Y1N	Mua dịch vụ	3.113.176.774	-
1Label	Mua dịch vụ	1.184.286.480	217.779.797
Netlink	Mua dịch vụ	86.400.000	86.400.000
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	-	3.463.232.581
1Talents	Mua dịch vụ	-	692.400.000
DCC	Mua dịch vụ	-	441.672.859
TỔNG CỘNG		**143.585.971.838**	**114.255.270.516**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
1Pro	Mua dịch vụ	12.477.400.000	-
Meta Blossom	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	2.410.210.093
TỔNG CỘNG		**12.477.400.000**	**2.410.210.093**
Phải thu về cho vay dài hạn			
1Production	Cho vay	33.486.000.000	525.000.000
Netlink	Cho vay	6.069.000.000	-
TỔNG CỘNG		**39.555.000.000**	**525.000.000**
Chi phí phải trả ngắn hạn			
1Pro	Lãi vay	5.444.559.008	-
1Talents	Lãi vay	580.000.000	-
Meta Blossom	Lãi vay	26.178.082	-
1Brandlink	Lãi vay	4.027.397	-
Giga1	Lãi vay	-	2.537.260
DCC	Lãi vay	-	747.945
TỔNG CỘNG		**6.054.764.487**	**3.285.205**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải trả ngắn hạn khác			
1Production	Chi hộ	50.515.754.220	43.404.273.986
	Lãi vay	2.163.288	2.163.288
Y1N	Chi hộ	2.607.328.081	-
	Lãi vay	2.222.365.840	752.283.280
1Label	Nhận ký quỹ	300.000.000	300.000.000
	Lãi vay	55.578.081	2.502.740
DCC	Chi hộ	500.000.000	-
	Lãi vay	7.277.694	6.529.749
BigCat	Lãi vay	123.353.425	-
TingTing	Lãi vay	74.916.788	59.296.238
VMA	Lãi vay	41.677.808	151.165.477
Edigital	Lãi vay	27.766.317	8.515.358
1Talents	Lãi vay	27.098.628	27.098.628
Meta Blossom	Lãi vay	26.868.494	1.553.425
1Brandlink	Lãi vay	26.753.425	863.014
Netlink	Lãi vay	7.899.792	7.899.792
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	-	14.087.671
TỔNG CỘNG		**56.566.801.881**	**44.738.232.646**
Vay ngắn hạn			
Y1N	Vay	12.577.000.000	18.285.000.000
BigCat	Vay	6.700.000.000	-
VMA	Vay	1.040.000.000	1.840.000.000
1Brandlink	Vay	1.000.000.000	-
Meta Blossom	Vay	1.000.000.000	-
TingTing	Vay	300.000.000	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	-	1.350.000.000
Giga1	Vay	-	735.000.000
TỔNG CỘNG		**22.617.000.000**	**22.510.000.000**
Vay dài hạn			
Y1N	Vay	12.050.000.000	-
1Label	Vay	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG		**13.550.000.000**	**-**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	1.722.000.000	750.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	552.966.000	272.643.000
Ông Chế Đoàn Viên	471.131.000	354.435.900
Bà Đặng Phương Dung	47.280.000	-
Ông Nguyễn Văn Nam	6.000.000	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	6.000.000	-
Bà Lê Thị Hoa	6.000.000	-
Bà Lê Phương Thảo	-	-
Ông Đào Phúc Trí	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	-	-
Ông Yam Kong Fatt	-	-
Ông Kim Min Soo	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	-	-
TỔNG CỘNG	**2.811.377.000**	**1.377.078.900**

32. CÁC CAM KẾT

32.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đến 1 năm	19.103.804.000	20.246.044.000
Trên 1 năm đến 5 năm	92.357.820.000	92.357.820.000
Trên 5 năm	46.178.910.000	55.414.692.000
TỔNG CỘNG	**157.640.534.000**	**168.018.556.000**

32.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
TỔNG CỘNG	**17.330.060.000**	**22.000.000**	**17.308.060.000**

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

VND

	Năm xóa sổ	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tân An Đông	2025	19.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Up	2025	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	2025	353.983.561	-
Công ty TNHH Yeah1 Vision	2025	209.824.729	-
TỔNG CỘNG		**21.163.808.290**	**-**

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo công văn số 3738/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 7 năm 2025, SSC thông báo đã nhận được Công văn số 250/2507/CV/YEG ngày 1 tháng 7 năm 2025 của Công ty thông báo về việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu YEG đang nắm giữ bởi các nhân viên đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng cho Công đoàn theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 242/2507/NQ/HĐQT/YEG ngày 1 tháng 7 năm 2025.

Ngoài các sự kiện trên và các sự kiện được đề cập ở các *Thuyết minh số 7, 9 và 10*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc